

Số: /QĐ-UBND Quảng Trị, ngày tháng năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Công bố Danh mục thủ tục hành chính được thay thế trong các lĩnh vực
Khiếu nại, Tố cáo, Tiếp công dân, Xử lý đơn thư, Phòng, chống tham nhũng thuộc
thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh, cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Trị**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm
soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi,
bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Văn phòng Chính
phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Quyết định số 700/QĐ-TTCP ngày 09/10/2019 của Thanh tra Chính
phủ Công bố thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực giải quyết tố cáo thuộc
phạm vi quản lý nhà nước của Thanh tra Chính phủ;*

*Căn cứ Quyết định số 70/QĐ-TTCP ngày 08/3/2021 của Thanh tra Chính phủ
Công bố thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực phòng chống tham nhũng
thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Thanh tra Chính phủ;*

*Căn cứ Quyết định số 424/QĐ-TTCP ngày 29/7/2021 của Thanh tra Chính phủ
Công bố thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực giải quyết khiếu nại thuộc
phạm vi quản lý nhà nước của Thanh tra Chính phủ;*

*Căn cứ Quyết định số 193/QĐ-TTCP ngày 20/5/2022 của Thanh tra Chính phủ
Công bố thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực tiếp công dân thuộc phạm
vi quản lý nhà nước của Thanh tra Chính phủ;*

*Căn cứ Quyết định số 194/QĐ-TTCP ngày 20/5/2022 của Thanh tra Chính phủ
Công bố thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực xử lý đơn thuộc phạm vi
quản lý nhà nước của Thanh tra Chính phủ;*

*Theo đề nghị của Chánh Thanh tra tỉnh tại Tờ trình số 747/TTr-TTr ngày
29/8/2025.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính được

thay thế trong các lĩnh vực Khiếu nại, Tố cáo, Tiếp công dân, Xử lý đơn thư, Phòng, chống tham nhũng thuộc thẩm quyền giải quyết của cấp tỉnh, cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

Điều 2. Thanh tra tỉnh, các sở, ban, ngành cấp tỉnh, UBND các xã, phường, đặc khu thực hiện việc công khai và tổ chức thực hiện các thủ tục hành chính theo đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Chánh Thanh tra tỉnh, Thủ trưởng các sở, ban, ngành chuyên môn thuộc UBND tỉnh, Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, Chủ tịch UBND các xã, phường, đặc khu và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Thanh tra Chính phủ;
- Cục KSTTHC-VPCP;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Trung tâm ĐHTT tỉnh;
- Lưu: VT, HCC^{Hàng}.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hoàng Nam

Phụ lục

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC THAY THẾ TRONG CÁC LĨNH VỰC
KHIẾU NẠI, TỐ CÁO, TIẾP CÔNG DÂN, XỬ LÝ ĐƠN THƯ, PHÒNG, CHỐNG THAM NHŨNG THUỘC THẨM QUYỀN
GIẢI QUYẾT CỦA CẤP TỈNH, CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH QUẢNG TRỊ**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày tháng năm 2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Trị)

STT	Tên/Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
I	Lĩnh vực Khiếu nại				
1	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần đầu tại cấp tỉnh Mã số TTHC: 2.002407	Không quá 30 ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý. Ở vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn, thì thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết	UBND tỉnh, Thanh tra tỉnh; Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh; các phòng, ban chuyên môn, đơn vị thuộc Sở và cấp tương đương	Không	- Luật Khiếu nại năm 2011; - Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại.
2	Thủ tục giải quyết khiếu nại lần hai tại cấp tỉnh Mã số TTHC: 2.002411	Thời hạn giải quyết khiếu nại lần hai không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết khiếu nại có thể kéo dài hơn nhưng không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết. Ở vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn, thời hạn giải quyết khiếu nại lần hai không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết khiếu nại có thể kéo dài hơn nhưng không quá 70 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết.	UBND tỉnh, Thanh tra tỉnh; Các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh; các phòng, ban chuyên môn, đơn vị thuộc Sở và cấp tương đương	Không	- Luật Khiếu nại năm 2011; - Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại

STT	Tên/Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
3	Thủ tục giải quyết khiếu nại tại cấp xã Mã số TTHC: 2.002409	Thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu không quá 30 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết. Ở vùng sâu, vùng xa đi lại khó khăn, thì thời hạn giải quyết khiếu nại lần đầu không quá 45 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết có thể kéo dài hơn nhưng không quá 60 ngày, kể từ ngày thụ lý để giải quyết.	UBND cấp xã	Không	- Luật Khiếu nại năm 2011; - Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khiếu nại.
II Lĩnh vực Tố cáo					
1	Thủ tục giải quyết tố cáo tại cấp tỉnh Mã số TTHC: 2.002394	Thời hạn giải quyết tố cáo là 60 ngày, kể từ ngày thụ lý giải quyết tố cáo; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết là 90 ngày, kể từ ngày thụ lý giải quyết tố cáo. Trường hợp cần thiết, người có thẩm quyền giải quyết tố cáo có thể gia hạn giải quyết một lần nhưng không quá 30 ngày; đối với vụ việc phức tạp thì không quá 60 ngày.	Thanh tra tỉnh Thanh tra các sở, ban, ngành chuyên môn thuộc UBND tỉnh	Không	- Luật Tố cáo năm 2011; - Nghị định số 76/2012/NĐ-CP ngày 3/10/2012 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Tố cáo; - Thông tư 06/2013/TT-TTCP ngày 30/9/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết tố cáo.
2	Thủ tục giải quyết tố cáo tại cấp xã Mã số TTHC: 2.002396	Thời hạn giải quyết tố cáo là 60 ngày, kể từ ngày thụ lý giải quyết tố cáo; đối với vụ việc phức tạp thì thời hạn giải quyết là 90 ngày, kể từ ngày thụ lý giải quyết tố cáo. Trường hợp cần thiết, người có thẩm quyền giải quyết tố cáo có thể gia hạn giải quyết một lần nhưng không quá 30 ngày; đối với vụ việc phức tạp thì không quá 60 ngày.	Ủy ban nhân cấp xã	Không	- Luật Tố cáo năm 2011; - Nghị định số 76/2012/NĐ-CP ngày 03/10/2012 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Tố cáo; - Thông tư số 06/2013/TT-TTCP ngày 30/9/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình giải quyết tố cáo.

STT	Tên/Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
III Lĩnh vực Tiếp công dân					
1	Thủ tục tiếp công dân tại cấp tỉnh	Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận nội dung khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh	Ban tiếp công dân tỉnh; Bộ phận tiếp công dân của Thanh tra tỉnh và các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh	Không	- Luật Tiếp công dân năm 2013; - Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiếp công dân; - Thông tư số 04 /2021/TT-TTCT ngày 01/10/2021 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình tiếp công dân.
2	Thủ tục tiếp công dân tại cấp xã Mã số TTHC: Mã số TTHC: 1.010945	Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận nội dung khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh	UBND cấp xã	Không	- Luật Tiếp công dân năm 2013; - Nghị định số 64/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tiếp công dân; - Thông tư số 04 /2021/TT-TTCT ngày 01/10/2021 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình tiếp công dân.
IV Lĩnh vực Xử lý đơn thư					
1	Thủ tục xử lý đơn tại cấp tỉnh Mã số TTHC: 2.002499	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.	Ban tiếp công dân tỉnh; Bộ phận xử lý đơn thuộc Thanh tra tỉnh và các cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh	Không	- Luật Khiếu nại năm 2011; - Luật Tố cáo năm 2011; - Nghị định số 31/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức thi hành Luật Tố cáo; - Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ

STT	Tên/Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
					quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại; - Thông tư số 05/2021/TT-TTCT ngày 01/10/2021 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình xử lý đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh.
2	Thủ tục xử lý đơn tại cấp xã Mã số TTHC: 2.002501	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận được đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh.	UBND cấp xã	Không	- Luật Khiếu nại năm 2011; - Luật Tố cáo năm 2011; - Nghị định số 31/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp tổ chức thi hành Luật Tố cáo; - Nghị định số 124/2020/NĐ-CP ngày 19/10/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Khiếu nại; - Thông tư số 05/2021/TT-TTCT ngày 01/10/2021 của Thanh tra Chính phủ quy định quy trình xử lý đơn khiếu nại, đơn tố cáo, đơn kiến nghị, phản ánh.
V	Lĩnh vực Phòng, chống tham nhũng				
1	Thủ tục kê khai tài sản, thu nhập Mã số TTHC: Mã số TTHC: 2.002400	1. Thời điểm hoàn thành kê khai lần đầu: - Người đang giữ vị trí công tác quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 34 của Luật PCTN phải hoàn thành việc kê khai trước ngày 31/3/2021 - Người lần đầu giữ vị trí công tác quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 34 Luật PCTN phải	Cơ quan nhà nước các cấp các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc CQHC nhà nước; các doanh nghiệp nhà nước	Không	- Luật Phòng chống tham nhũng ngày 20/11/2018; - Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ trong cơ quan, tổ

STT	Tên/Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
		hoàn thành việc kê khai chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày được tiếp nhận, tuyển dụng, bố trí vào vị trí công tác. 2. Thời điểm hoàn thành việc kê khai bổ sung: Khi người có nghĩa vụ kê khai có biến động về tài sản, thu nhập trong năm có giá trị từ 300.000.000 đồng trở lên. Việc kê khai phải hoàn thành trước ngày 31 tháng 12 của năm có biến động về tài sản, thu nhập. 3. Thời điểm hoàn thành việc kê khai hàng năm : Người giữ chức vụ từ Giám đốc sở và tương đương trở lên; người làm công tác tổ chức cán bộ, quản lý tài chính công, tài sản công, đầu tư công hoặc trực tiếp tiếp xúc và giải quyết công việc của cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân khác theo quy định của Chính phủ phải hoàn thành việc kê khai trước ngày 31 tháng 12 hàng năm. 4. Thời điểm hoàn thành việc kê khai phục vụ công tác cán bộ: - Người có nghĩa vụ kê khai quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều 34 của Luật PCTN 2018 khi dự kiến bầu, phê chuẩn, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, cử giữ chức vụ khác phải hoàn thành kê khai chậm nhất là 10 ngày trước ngày dự kiến bầu, phê chuẩn, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, cử giữ chức vụ khác; - Người có nghĩa vụ kê khai quy định tại khoản 4 Điều 34 của Luật PCTN 2018 việc kê khai được thực hiện theo quy định của pháp luật về bầu cử.	phải thực hiện tổ chức triển khai việc kê khai tài sản, thu nhập		chức, đơn vị.

STT	Tên/Mã TTHC	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý
2	Thủ tục xác minh tài sản, thu nhập Mã số TTHC: 2.002401	Không quá 115 ngày (trong đó thời hạn xác minh là 45 ngày, trường hợp phức tạp thì thời gian có thể kéo dài nhưng không quá 90 ngày; Thời hạn ban hành kết luận là 10 ngày, trường hợp phức tạp thì có thể kéo dài nhưng không quá 20 ngày; Thời hạn công khai kết luận là 5 ngày làm việc).	Cơ quan kiểm soát tài sản, thu nhập	Không	- Luật Phòng chống tham nhũng ngày 20/11/2018; - Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.
3	Thủ tục tiếp nhận yêu cầu giải trình Mã số TTHC: 2.002402	Thời hạn ra thông báo tiếp nhận hoặc từ chối giải trình là 05 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận yêu cầu giải trình	Cơ quan, tổ chức, đơn vị khu vực nhà nước	Không	- Luật Phòng chống tham nhũng ngày 20/11/2018; - Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.
4	Thủ tục thực hiện việc giải trình Mã số TTHC: 2.002403	Thời hạn thực hiện việc giải trình không quá 15 ngày kể từ ngày ra thông báo tiếp nhận yêu cầu giải trình. Trường hợp có nội dung phức tạp thì có thể gia hạn 01 lần, thời gian gia hạn không quá 15 ngày và phải thông báo bằng văn bản đến người yêu cầu giải trình.	Cơ quan, tổ chức, đơn vị khu vực nhà nước	Không	- Luật Phòng chống tham nhũng ngày 20/11/2018; - Nghị định số 130/2020/NĐ-CP ngày 30/10/2020 của Chính phủ về kiểm soát tài sản, thu nhập của người có chức vụ trong cơ quan, tổ chức, đơn vị.

